

PHỤ BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 THEO TIÊU CHÍ

STT	Tiêu chí	Lũy kế giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện đến tháng 9/2023			Đơn vị còn lại		Số xã đạt 9 tháng đầu năm
		SL	Đơn vị	S/L	Đơn vị	S/L	%	Đơn vị	S/L	Đơn vị	
1	Quy hoạch	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.			11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
2	Giao thông	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	5	Đắc Drô; Đắc Sôr; Đứcxuyên; Nam Xuân; Quảng Phú	8	73%	Nam Đà, Nâm Nung, Đắc Nang, Nâm N'Đir, Buôn Choah, Đắc Dro, Đắc Sôr, Nam Xuân	3	Tân Thành, Đứcxuyên, Quảng Phú.	Đắc Sôr, Đắc Dro, Nam Xuân
3	Thủy Lợi	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.			11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
4	Điện	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.			11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đứcxuyên, Quảng Phú.	0		
5	Trường học	6	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Buôn Choah, Đắc Nang,	2	Nâm N'Đir, Quảng Phú	8	73%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Buôn Choah, Đắc Nang, Đứcxuyên, Nâm Nung	3	Tân Thành, Nâm N'Đir, Quảng Phú	

STT	Tiêu chí	Lũy kế giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện đến tháng 9/2023			Đơn vị còn lại		Số xã đạt 9 tháng đầu năm
		SL	Đơn vị	S/L	Đơn vị	S/L	%	Đơn vị	S/L	Đơn vị	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	8	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Năm Nung, Năm N'Đir, Quảng Phú.	1	Buôn Choah	8	73%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Năm Nung, Năm N'Đir, Quảng Phú.	3	Đức Xuyên, Đắc Nang, Buôn Choah	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
8	Thông tin và truyền thông	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
9	Nhà ở dân cư	7	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Tân Thành, Buôn Choah, Năm N'Đir, Đức Xuyên	1	Quảng Phú	9	82%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Tân Thành, Buôn Choah, Năm N'Đir, Đức Xuyên; Nam Xuân, Năm Nung	2	Đắc Nang, Quảng Phú	
10	Thu nhập	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
11	Nghèo đa chiều	9	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Quảng Phú.	0		10	91%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Năm Nung, Năm N'Đir, Đức Xuyên, Quảng Phú, Đắc Nang	1	Buôn Choah	

STT	Tiêu chí	Lũy kế giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện đến tháng 9/2023			Đơn vị còn lại		Số xã đạt 9 tháng đầu năm
		SL	Đơn vị	S/L	Đơn vị	S/L	%	Đơn vị	S/L	Đơn vị	
12	Lao động	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	10	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Quảng Phú.	5	Đắc Drô; Đắc Sôr; Đắc Nang; Nam Xuân; Nâm N'Đir	7	64%	Nam Đà, Tân Thành; Buôn Choah; Nâm Nung; Nâm N'Đir; Quảng Phú; Nam Xuân	4	Đắc Sôr, Đắc Drô; Đức Xuyên, Đắc Nang	
14	Giáo dục và đào tạo	11	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	0		
15	Y tế	9	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm Nung, Đắc Nang, Quảng Phú.	5	Đắc Dro, Đức Xuyên, Nâm N'Đir, Nam Xuân, Tân Thành	6	55%	Nam Đà, Đắc Sôr, Buôn Choah, Đắc Nang; Nâm Nung, Quảng Phú;	5	Đắc Drô, Tân Thành, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Nam Xuân	

STT	Tiêu chí	Lũy kế giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện đến tháng 9/2023			Đơn vị còn lại		Số xã đạt 9 tháng đầu năm
		SL	Đơn vị	S/L	Đơn vị	S/L	%	Đơn vị	S/L	Đơn vị	
16	Văn hóa	10	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.			11	100%	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú, Nâm Nung	0		
17	Môi trường và ATTP	7	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Nâm Nung, Nâm N'Đir	8	Buôn Choah, Đắc Dro, Đắc Nang, Đắc Sôr, Đức Xuyên, Nam Đà, Nâm N'Đir, Nam Xuân	2	18%	Nâm Nung; Nam Đà	9	Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắc Nang, Quảng Phú.	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	4	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Quảng Phú	5	Buôn Choah, Đức Xuyên, Nâm N'Đir, Quảng Phú, Tân Thành	6	55%	Đắc Sôr, Nam Đà, Nam Xuân, Đắc Drô, Nâm Nung, Nâm N'Đir	5	Tân Thành, Buôn Choah, Đắc Nang, Đức Xuyên	
19	Quốc phòng và an ninh	8	Nam Đà, Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Đức Xuyên, Đắc Nang.	2	Đắc Nang, Nam Đà	9	82%	Đắc Sôr, Đắc Drô, Nam Xuân, Tân Thành, Buôn Choah, Đức Xuyên, Nâm Nung, Quảng Phú, Nâm N'Đir	2	Nam Đà, Đắc Nang,	
	Tổng cộng	177		34		172			37		

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TIÊU CHÍ BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
				Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Chưa đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt		Đạt		Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	- 100% nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có hệ thống an toàn giao thông phù hợp; - Có đèn chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực dân cư đông đúc.	Đ	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	Không					
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bon, buôn, bản và đường liên thôn, bon, buôn, bản	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp						- Có hệ thống an toàn giao thông phù hợp; - Có đèn chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực dân cư đông đúc
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥85%	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt					

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
				Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥80% cứng hóa (bê tông xi măng, đá dăm láng nhựa, đá dăm, cấp phối đá dăm, đá thải từ mỏ đá, cấp phối tự nhiên)	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt		Đạt		Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	K		Đạt		Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
				Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt		Đạt		Đạt	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Đạt		Đạt		Đạt	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bon, buôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%	Đạt		Đạt		Chưa đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	Đạt		Đạt		Đạt	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt công đồng, điểm du lịch	Giai đoạn 2021-2023 tỷ lệ các điểm công cộng có wifi miễn phí tối thiểu	50%		Đạt		Chưa đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô		
					Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	
		cộng đồng,...)	Giai đoạn 2024-2025 tỷ lệ các điểm công cộng có wifi miễn phí	100%							
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥95%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥48	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
			Năm 2022	≥52	Đạt				Đạt	Đạt	
			Năm 2023	≥56					Chưa đạt	Chưa đạt	
			Năm 2024	≥60							
			Năm 2025	≥64							
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥75%	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥25%	Đạt				Đạt		
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		Đạt	Đạt				Chưa đạt		Đạt
		13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định		≥1	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt		
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận		Đạt	Chưa đạt				Chưa đạt		Chưa đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		≥1	Chưa đạt				Chưa đạt		Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
				Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Chưa đạt		Chưa đạt			
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Chưa đạt		Chưa đạt			
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Chưa đạt		Chưa đạt			
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Chưa đạt		Chưa đạt			
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	K	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Không Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Đạt		Chưa đạt			
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Chưa đạt		Chưa đạt			
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Đạt		Chưa đạt			
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Đạt		Đạt		Chưa đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô			
				Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)		
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Đạt		Đạt		Đạt			
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Chưa đạt						Chưa đạt	đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	Chưa đạt						Chưa đạt	đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥30%	Chưa đạt						Chưa đạt	đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Chưa đạt						Chưa đạt	Chưa đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Chưa đạt						Chưa đạt	đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Chưa đạt						Chưa đạt	Chưa đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	Chưa đạt						Chưa đạt	Chưa đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Chưa đạt						Chưa đạt	Chưa đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	Chưa đạt						Chưa đạt	Chưa đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí			Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
						Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn			$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Chưa đạt		Chưa đạt		Chưa đạt	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định			$\geq 50\%$	Chưa đạt		Chưa đạt		Đạt	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung			$\geq 35\%$	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm			$\geq 60\%$	52%		Chưa đạt		Đạt	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững			$\geq 25\%$	k		Chưa đạt		Đạt	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm			100%	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã			Không	Đạt		Chưa đạt		Đạt	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm			100%			Chưa đạt		Chưa đạt	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch			$\geq 80\%$			Chưa đạt		đạt	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường			100%	Đạt		Chưa đạt		đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân			Đạt	chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí			Chỉ tiêu	Nam Đà		Đắk Sôr		Đắk Drô	
						Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)	Chỉ tiêu (đạt/không đạt)	Tiêu chí (đạt/không đạt)
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả			Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
19 Tiêu chí		75 chỉ tiêu			Chỉ tiêu đạt 56/75 Chỉ tiêu	Tiêu chí đạt 11 /19 tiêu chí.	Chỉ tiêu đạt 17/75 Chỉ tiêu	Tiêu chí đạt 4 /19 tiêu chí.	Chỉ tiêu đạt 38 /75 Chỉ tiêu	Tiêu chí đạt 6 /19 tiêu chí.	